

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NHƠN TRẠCH
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2020/HNGĐ-ST.
Ngày: 13/5/2020
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con
chung.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NHƠN TRẠCH - TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Thức

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Hồng Đăng
2. Ông Nguyễn Kim Vinh

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Vương Thị Hồng - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 5 năm 2020, tại Phòng xét xử của Tòa án nhân dân huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 837/2019/TLST- HNGĐ ngày 18 tháng 12 năm 2019 về “tranh chấp về ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 222/2020/QĐXX-HNGĐ ngày 10 tháng 4 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 268/QĐST-HNGĐ ngày 27 tháng 4 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Trần Ngọc N**, sinh năm 1994

Địa chỉ: Ấp T, xã V, huyện N, tỉnh Đ

- *Bị đơn:* Anh **Phạm Ngọc T**, sinh năm 1989

Địa chỉ: Xóm 8, xã N, huyện N, tỉnh T

Tạm trú: Ấp T, xã V, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai

(Chị N có mặt, anh T vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, lời khai tiếp theo và tại phiên tòa nguyên đơn chị Trần Ngọc N trình bày:

Chị N và anh T chung sống với nhau tự nguyện từ năm 2014, có đăng ký kết hôn và được UBND xã V cấp giấy chứng nhận kết hôn.

Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng khoảng 05 năm nay vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, thường xuyên gây gổ cãi vã, anh T ăn chơi, sử dụng chất cấm không lo làm ăn, nên dẫn đến không hạnh phúc hôn

nhân. Vợ chồng chính thức sống ly thân 05 năm nay. Từ khi ly thân đến nay không thể hàn gắn đoàn tụ.

Nay chị cương quyết xin ly hôn anh T vì không còn tình cảm vợ chồng.

Về con chung: Vợ chồng chung sống có một con chung là cháu Phạm Ngọc Quỳnh A, sinh ngày 08/9/2014. Chị N là người đang nuôi con chung, Chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu A và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không tranh chấp nên không yêu cầu Tòa xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa xem xét giải quyết.

* Bị đơn anh T đã được Tòa án niêm yết văn ban tố tụng hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do, không cung cấp ý kiến vụ việc.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm tố tụng: Tòa án nhân dân huyện Nhơn Trạch thụ lý và xác định quan hệ pháp luật của vụ án là ly hôn đúng với quy định của pháp luật. Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử đúng theo quy định pháp luật; Về tư cách tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ, thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu, thời hạn đưa vụ án ra xét xử, nguyên tắc xét xử đúng quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử tiến hành đúng trình tự, thủ tục. Nguyên đơn chấp hành đúng quy định pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn cho chị Như được ly hôn anh T, giao con chung cho chị N trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, án phí chị N chịu theo luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm vấn tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả thẩm vấn, tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

1/ Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền:

Nguyên đơn nộp đơn đúng trình tự thủ tục, yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với bị đơn, xác định quan hệ pháp luật của vụ án là “ Tranh chấp về ly hôn, nuôi con chung” và bị đơn có nơi cư trú, tạm trú tại huyện Nhơn Trạch nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

2/ Về tư cách đương sự:

Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 68 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xác định: Nguyên đơn là chị Trần Ngọc N; bị đơn anh Phạm Ngọc T. Anh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do nên căn cứ vào Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xử vắng mặt theo quy định.

3/ Xét yêu cầu khởi kiện:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị N, anh T chung sống tự nguyện, có đăng ký kết hôn nên được xem là hôn nhân hợp pháp. Chị N yêu cầu được ly hôn anh T là có cơ sở chấp nhận. Bởi lẽ theo chị khai anh chị sống ly thân từ năm 2015 đến nay, thời gian ly thân đã quá lâu không thể hàn gắn đoàn tụ. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa

án tổ chức hòa giải, triệu tập nhiều lần nhưng bị đơn vẫn không đến Tòa hòa giải. Từ các chứng cứ trên cho thấy anh Thắng không có thiện chí hòa giải mâu thuẫn, không mong muốn hòa giải đoàn tụ để xây dựng gia đình hạnh phúc. Hôn nhân của anh chị mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được.

- Về con chung: Chị N khai chị và anh T chung sống có 01 con chung cháu Phạm Ngọc Quỳnh A. Sau khi ly thân cho đến nay chị là người trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu A và yêu cầu Tòa án giải quyết chị được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con là có cơ sở chấp nhận. Bởi lẽ từ khi ly thân cháu được chị N chăm sóc nuôi dưỡng tốt, chị có thu nhập, nơi ở ổn định đảm bảo việc nuôi dưỡng trẻ phát triển.

- Về tài sản chung: Chị N khai không tranh chấp nên hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về nợ chung: Chị N khai không có nên hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về án phí: Theo quy định tại điểm a, khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Do đó, chị N phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Xét quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát phù hợp nhận định trên nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 147, 220, 227, 228, 266, 267 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao quy định về mức thu, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trần Ngọc N đối với bị đơn anh Phạm Ngọc T về việc “Tranh chấp về ly hôn, nuôi con chung”.

Tuyên xử:

Cho chị Trần Ngọc N được ly hôn anh Phạm Ngọc T.

Về con chung: Giao con chung cháu Phạm Ngọc Quỳnh A, sinh ngày 08/9/2014 cho chị N trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Anh T tạm thời không phải cấp dưỡng nuôi con và được quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được ngăn cản. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết các đương sự được quyền xin thay đổi vị trí nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Chị N khai không tranh chấp nên hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về nợ chung: Chị N khai không có nên hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về án phí: Chị N phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0009868 ngày 16/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nhơn Trạch (đã nộp xong).

Báo các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết hợp lệ bản án./.

Nơi nhận:

- VKS, THADS, TAT;
- UBND xã; PTP
- Đương sự;
- Lưu (HS, AV.).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Duy Thúc